

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm T Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp R, xã T, thành phố H, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp R, xã T, thành phố H, Kiên Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày: Bà và ông Trần Văn T kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/6/2009. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T thường hay nhậu nhẹt không lo cho cuộc sống vợ con, ông T còn tính bạo lực sau khi nhậu về hay đánh đập bà, do không thể chịu đựng được nữa nên từ năm 2016, bà dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn chung sống cùng anh T từ đó cho đến nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung

sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Trần Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2009. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai đương sự ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà L kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có lời qua tiếng lại và mâu thuẫn nhỏ, ông không có ăn nhậu và đánh đập bà L. Việc bà L ly hôn ông chưa có ý kiến do phải bàn bạc, thỏa thuận lại với bà L. Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Trần Tuấn K, nếu Tòa án cho ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận cho bà L ly hôn với ông T. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của cháu K, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của bà L. Về phân tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Trần Văn T đang cư trú tại ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Trần Văn T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và có ý kiến liên quan đến vụ

án. Tuy nhiên khi tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần mà ông T. đều vắng mặt, ngày 13/3/2019 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của bà L, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/4/2019 nhưng bị đơn là ông T vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 24/4/2019 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2019, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Trần Thị Thùy L và ông Trần Văn T kết hôn năm 2009, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/6/2009. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông T đã nhận được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và ông có ý kiến là không có nhậu nhẹt, đánh đập bà L và chưa có ý kiến về việc bà L yêu cầu ly hôn. Nhưng khi Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần ông T đều vắng mặt do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Xét thấy hôn nhân của bà L, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 nên vợ chồng không hạnh phúc, bà L đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Qua xác minh của Tòa án tại địa phương cho thấy bà L, ông T có đăng ký thường trú, tạm trú và sinh sống tại địa phương đến năm 2016 thì bà L dọn về nhà tại nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn phía ông T thì dọn về nhà cậu ruột của bà L sống, mâu thuẫn gia đình của ông bà địa phương không biết được do đương sự không trình báo, việc ông T nhậu nhẹt là có nhưng ông T có đánh đập bà L hay không thì địa phương không rõ, từ năm 2016 cho đến nay bà L, ông T không còn sống cùng nhau. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà L, ông T không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân của bà L, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2009, hiện nay con đang sống cùng bà L, khi ly hôn bà L, ông T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy cháu K có nguyện vọng được sống cùng bà L và từ nhỏ đều do bà L chăm sóc con nên việc bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K là tạo điều kiện cho cháu phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tồn nuôi con chung.

[5] Về tài sản và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thùy L với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2009 cho bà Trần Thị Thùy L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng phí tồn nuôi con chung. Trần Thị Thùy L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Tài sản và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thùy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đối trừ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001222 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H (nay là Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H), nay bà L không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành